

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **162/2022/HNGĐ-ST**.

Ngày 14 - 12 - 2022.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chuyết

Ông Nguyễn Đình Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Hiếu - Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở TAND huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L; sinh năm 1984; Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Hiện trú tại: Xóm 16, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Vũ Văn A; sinh năm 1978; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh A vắng mặt lần thứ 2 dù đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Vũ Văn A có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 09 năm 2005 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Thời gian đầu vợ

chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng từ tháng 8 năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về kinh tế. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu tháng 8 năm 2018 nay không ai quan tâm đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị ly hôn với anh Vũ Văn A.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị có 02 con chung là Vũ Thanh N, sinh ngày 26/04/2006 và Vũ Công C, sinh ngày 23/03/2008. Hiện cả hai con chung đang ở cùng với anh A. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh A cấp dưỡng tiền nuôi con. Trường hợp anh A có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung thì chị cũng đồng ý và chị không cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 11/11/2022, tại biên bản lấy lời khai bà Phạm Thị N (mẹ đẻ của anh Vũ Văn A) trình bày:

Gia đình bà đã nhận được các thông báo thụ lý, giấy triệu tập của Tòa án về việc chị L có đơn xin ly hôn với anh A và bà có thông báo cho anh A được biết. Nhưng vì lý do công việc nên anh A không đến Tòa làm việc được. Anh A có nói với bà là việc ly hôn là việc của chị L.

Về con chung: Vợ chồng anh A có 02 con chung như chị L trình bày. Hiện hai con chung đang ở với bà và anh A. Sau khi ly hôn, nguyện vọng của anh A là được nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con. Cháu Vũ Thanh N hiện đã đi học nghề và đã có thu nhập. Anh A có sức khỏe tốt và nhận công trình xây dựng ở Hà Nội, đủ khả năng nuôi dưỡng con chung.

Về tài chung, công nợ: Anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với các văn bản mà Tòa án gửi về cho anh A thì bà nhận trách nhiệm nhận và thông báo nội dung văn bản cho anh A được biết.

Quan điểm của kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ
Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS;

Bị đơn mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại một số buổi triệu tập của Tòa án, tại phiên tòa là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án khi nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt mặc dù đã được triệu tập đến lần thứ 2 là đúng quy định tại Điều 227; 228; 238 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy vợ chồng chị L, anh A mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56,

Điều 81, 82,83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Giao cho anh Vũ Văn A nuôi dưỡng cả hai con chung là Vũ Thanh N, sinh ngày 26/04/2006 và Vũ Công C, sinh ngày 23/03/2008. Anh A có quyền khởi kiện về cấp dưỡng tiền nuôi con tài sản khoản nợ chung của vợ chồng nếu như có yêu cầu và có căn cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về án phí: Chị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn được biết. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án khi nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là đúng quy định tại Điều 238 BLTTDS.

[2] Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị L và anh Vũ Văn A có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 09 năm 2005 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng từ tháng 8 năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về kinh tế. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu tháng 8 năm 2018 nay không ai quan tâm đến ai.

Sau khi chị L có đơn khởi kiện xin ly hôn, Tòa án đã thông báo nội dung khởi kiện và nhiều lần triệu tập cho anh A được biết nhưng anh A cố tình vắng mặt không có lý do. Chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên chị đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải nữa.

Theo yêu cầu của chị L, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/11/2022 bà Phạm Thị N (mẹ đẻ của anh Vũ Văn A) trình bày: Gia đình bà đã nhận được các thông báo thụ lý, giấy triệu tập của Tòa án về việc chị L có đơn xin ly hôn với anh A và bà có thông báo cho anh A được biết. Nhưng vì lý do công việc nên anh A không đến Tòa làm việc được. Anh A có nói với bà là việc ly hôn là việc của chị L.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị L và anh A đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh A đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể đoàn tụ với nhau được nữa nên việc chị L xin ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu của các đương sự về việc nhận nuôi con chung HĐXX thấy: Vợ chồng chị L và anh A có 02 con chung là Vũ Thanh N,

sinh ngày 26/04/2006 và Vũ Công C, sinh ngày 23/03/2008. Hiện cả hai con chung đang ở cùng với anh A.

Sau khi ly hôn, anh A có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị L đồng ý với nguyện vọng nuôi con của anh A. Cả hai con chung đều có nguyện vọng được ở với anh A.

Để đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng, xét nguyện vọng của con chung cần giao cho anh A trách nhiệm nuôi dưỡng cả 02 con chung của vợ chồng.

Chị L có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác về thay đổi nuôi con nếu như có yêu cầu và có căn cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Anh A có quyền khởi kiện về cấp dưỡng tiền nuôi con, tài sản khoản nợ chung của vợ chồng nếu như có yêu cầu và có căn cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Chị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Vũ Văn A.

2. Về con chung: Giao cho anh Vũ Văn A nuôi dưỡng 02 con chung là Vũ Thanh N, sinh ngày 26/04/2006 và Vũ Công C, sinh ngày 23/03/2008. Anh A không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con.

Hiện tại hai con chung đang ở cùng với anh Vũ Văn A. Chị Nguyễn Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự. Được trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002086 ngày 07/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Chị L đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Chị Nguyễn Thị L anh anh Vũ Văn A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thái Hà